

Bản án số: 130/2022/HN-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

2. Ông Nguyễn Văn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *NgU đơn:* Ông Lương Thái T, sinh năm 1990; Nơi cư trú: khu phố N, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lương Văn P, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; Cùng nơi cư trú: khu phố N, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa ngU đơn ông Lương Thái T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Phương U từ nguyện kết hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận vào ngày 11/03/2016. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ngU nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xU tranh cãi, sống không hòa hợp. Hiện ông và bà U đã sống ly thân nhau khoảng 03 năm nay, bà U về thị trấn Chợ Lách, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre sống còn ông vẫn ở thị trấn L Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu được ly hôn với bà U, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lương Nguyễn Trúc L, sinh ngày 08/08/2017, hiện đang sống với bà U. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2021, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa bị đơn bà chị Nguyễn Thị Phương U trình bày:

- Về thời gian và điều kiện kết hôn bà thống nhất với lời trình bày của ông T. Theo bà U, ngU nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, sống không hòa hợp. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2020, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn với ông T, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lương Nguyễn Trúc L, sinh ngày 08/08/2017, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Có 01 lượng vàng miếng SJC (loại vàng miếng); 01 dây chuyền vàng 24K, 01 lắc tay vàng 24K, 01 đôi hoa tay vàng 24K với tổng trọng lượng là 01 lượng vàng 24K hiện tại do ông Lương Văn P và bà Ngô Thị C là cha mẹ chồng của bà giữ. Quá trình giải quyết vụ án, bà có yêu cầu chia đôi số tài sản này. Tuy nhiên, hiện nay bà và ông T đã tự thỏa thuận được với nhau về số tài sản chung này nên nay bà không tranh chấp nữa, bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung với ông T.

- Về nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T, bà U.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Lương Nguyễn Trúc L, sinh ngày 08/08/2017 cho bà U được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

+ Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương U xin rút lại yêu cầu về việc chia tài sản chung vì giữa bà với ông T vì đã tự thỏa thuận. Xét việc rút lại yêu cầu phản tố là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông P, bà C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông P, bà C.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Thái T và bà Nguyễn Thị Phương U tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà U;

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà U thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã có khoảng thời gian sống ly thân với nhau. Theo ông T, thời gian vợ

chồng sống ly thân khoảng 03 năm còn bà U cho rằng vợ chồng sống ly thân từ năm 2020. Mặc dù thời gian sống ly thân các bên xác định không thống nhất nhưng với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thể nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, ông T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà U và bà U cũng đồng ý ly hôn với ông T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà U là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà U là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, ông T và bà U có 01 con chung tên Lương Nguyễn Trúc L, sinh ngày 08/08/2017, hiện đang sống với bà U. Sau khi ly hôn, bà U yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu được nuôi con chung của bà U là chính đáng, phía ông T cũng đồng ý để con chung cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

+ Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[6] Xét phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Bà U được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 46, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương U đối với ông Lương Thái T, ông Lương Văn P và bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông T, ông P và bà C trả lại cho bà số tài sản chung là vàng cưới (quy ra tiền là 56.000.000 đồng).

2/. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lương Thái T và bà Nguyễn Thị Phương U. Ghi nhận ông T và bà U không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

3/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Phương U được quyền trực tiếp nuôi con chung tên là Lương Nguyễn Trúc L, sinh ngày 08/08/2017. Ông Lương Thái T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2022 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà U có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của ông T, bà U hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4/. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5/. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

6/. Về án phí:

- Ông Lương Thái T phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002719 ngày 12/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Số tiền án phí còn lại ông T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Hoàn trả lại cho bà U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006770 ngày 05/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

7/. Quyền kháng cáo: NgU đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tU án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắg mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu